

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10-6-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh T

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị B

Bà Hà Thị M

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức H - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Quảng H - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 3/11/18/35 đường Phú Thượng Đoàn, tổ dân phố Đoàn Xá 4, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Minh T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 8A3 khu tập thể Đồng Tâm, phường Lạch Tray, quận N, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2021, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2020 chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Ngô Minh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng đến ngày 15/4/2021 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạch Tray, quận N, thành phố H. Sau khi kết hôn anh chị thuê nhà ở riêng và quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, cuộc sống chung vợ chồng không thống nhất trong mọi việc, thường xuyên cãi vã. Về kinh tế, vợ chồng độc lập trong việc chi tiêu, lo cho sinh hoạt gia đình. Về tinh thần, anh T do phải tự lập lo toan mọi việc trong cuộc sống, công việc nên thường xuyên bức tức vô cớ, chửi bậy; chị H không nhận được sự quan tâm, chăm sóc của chồng kể cả là động viên, an ủi. Sau khi chị H sinh con anh T cũng không dành thời gian chăm sóc vợ, con mà lấy lý do ở cửa hàng dạy đàn và bán nhạc cụ từ 09 giờ sáng đến 08 giờ tối. Mặc dù mới sinh con nhưng chị H phải chăm con và làm mọi việc nhà. Mặt khác, mâu thuẫn giữa mẹ chồng với con dâu làm cho chị H thấy cuộc sống căng thẳng, ngột ngạt. Trong quan hệ với những người khác giới, chị H cho rằng quan điểm của anh T là không đúng mực như nói chuyện với người phụ nữ khác đến 03 giờ sáng, thân thiết với nhân viên nữ ở cửa hàng... Từ sau khi chị H sinh con, do sức khỏe yếu, không có người chăm sóc nên chị H và con đã về nhà mẹ đẻ sống. Anh chị sống ly thân cho đến nay. Anh T thỉnh thoảng vẫn đến thăm con và mua bím, sữa; đưa tiền cấp dưỡng nuôi con. Tóm lại, mâu thuẫn giữa chị H và anh T ngày càng trầm trọng, chị H nhiều lần nói chuyện với anh T nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, giữa hai người không tìm được tiếng nói chung, anh T không thay đổi, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Ngô T H, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2021. Chị H đang là người trực tiếp nuôi con. Khi ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con. Vì chị H làm công việc kế toán, mức lương trung bình 10.000.000 đồng/tháng đủ để nuôi con và có nhiều thời gian chăm sóc con hơn anh T. Chị H hiện đang ở cùng với mẹ đẻ, mẹ chị có lương hưu và có điều kiện giúp đỡ chị trong việc chăm sóc con. Từ khi anh T và chị H sống ly thân, anh T có mua bím sữa cho con nhưng cũng không đủ, từ tháng 9/2021 đến nay anh T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng (không mua bím, sữa nữa) nên chị yêu cầu anh T tiếp tục cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mức cấp dưỡng là 4.000.000 đồng/tháng

- Về tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn anh Ngô Minh T có quan điểm trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý với quan điểm của chị H về điều kiện và quá trình kết hôn. Anh chị chung sống tự nguyện từ năm 2020, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng đến ngày 15/4/2021 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Lạch Tray, quận N, thành phố H. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường và đã có một con chung. Anh T xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn là do giữa hai vợ chồng có sự khác biệt về lối sống, quan điểm. Trong cuộc sống anh T phải chịu nhiều áp lực, áp lực về kinh tế vì phải tự lập lo cho cuộc sống của bản thân từ việc cưới hỏi, lo cho cuộc sống hai vợ chồng đến việc chị H sinh con. Hơn nữa, do ảnh hưởng dịch bệnh nên công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn, thậm chí còn phải bán cả ô tô để duy trì cuộc sống, công việc. Nhưng chị H không động viên, chia sẻ, không chăm sóc anh. Ngoài việc đi làm lo kinh tế gia đình, mọi việc trong nhà anh T đều phải làm hết vì chị H không biết làm việc gì nên buổi tối anh phải nghỉ ngơi để đảm bảo sức khỏe, không có thời gian chăm sóc mẹ con chị H. Sau khi chị H sinh con, bên ngoại can thiệp quá nhiều vào cuộc sống hai vợ chồng, từ việc đặt tên đến nhập khẩu cho con đều theo ý mẹ chị H. Chị H bế con về ở với mẹ đẻ nhưng rất hạn chế việc cho con sang chơi với ông bà nội. Tóm lại, tính cách, lối sống của chị H và anh T quá khác biệt, anh T sống tự lập từ nhỏ, sống trong tập thể có nhiều bạn bè, nhiều mối quan hệ xã hội nhưng chị H lại ghen tuông vô cớ. Chị H là người được bao bọc từ bé, sống khép kín, không biết làm việc nhà, không biết giao tiếp. Tuy nhiên, anh T chưa muốn ly hôn ở thời điểm này vì con anh còn nhỏ; nếu anh chị ly hôn thì con sẽ thiệt thòi. Anh muốn đến khi con anh chị biết nhận thức và có quyền được lựa chọn ở với bố hay với mẹ mới giải quyết ly hôn. Anh T cho rằng, vợ chồng chỉ có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận những tính cách, lối sống của nhau chứ anh không thể thay đổi bản thân trong cuộc sống hôn nhân như chị H mong muốn.

- Về con chung: Anh T và chị H có một con chung như chị H đã trình bày. Trường hợp ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi con vì anh cho rằng chị H không có đủ năng lực, trình độ, kinh tế để nuôi con. Hơn nữa, tính cách và lối sống của chị H cũng như gia đình bên ngoại theo anh T không phải là môi trường tốt cho con anh vì nhà toàn phụ nữ. Bản thân anh T là giáo viên dạy âm nhạc cho trẻ em nên anh có môi trường tốt hơn để nuôi dạy con. Anh T còn có một cửa hàng bán nhạc cụ, thu nhập bình quân 120.000.000 đồng/tháng. Từ khi chị H và con về ở nhà mẹ đẻ chị H, anh T vẫn cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng; ngoài ra còn mua bỉm, sữa cho con. Trường hợp ly hôn mà chị H được nuôi con anh vẫn đồng ý mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng. Nếu anh T được nuôi con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mà số tiền đó chị H tích lũy để cho con khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh T và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc không có mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xét thấy chị H kiên quyết xin ly hôn vì xác định không còn tình cảm với anh T, không muốn tiếp tục chung sống, giữa anh chị quá khác biệt về quan điểm, lối sống, tính cách, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh T. Anh chị có một con chung Ngô T H, sinh ngày 22/02/2021. Khi ly hôn chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên con chung hiện nay dưới 36 tháng tuổi, từ khi anh chị sống ly thân con chung ở với chị H; chị H có công việc, thu nhập và có chỗ ở đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con nên tiếp tục giao con chung Ngô T H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và hoàn cảnh thực tế của các bên. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị H và anh T trình bày không có nên không đặt vấn đề giải quyết. Về án phí, chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Ngô Minh T cư trú trên địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị H và anh T đã trình bày, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Ngay khi kết hôn, chị H và anh T chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế, trong cách cư xử giữa hai vợ chồng và với gia đình hai bên. Anh T và chị H có tính cách và hoàn cảnh, môi trường sống quá khác biệt, không thể dung hòa trong đời sống vợ chồng. Giữa hai người không có tiếng nói chung, không có sự hòa hợp về tình cảm, độc lập về kinh tế, không có sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị H tha thiết xin được ly hôn, anh T thừa nhận cuộc sống chung của anh chị có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không phù hợp nhưng anh chưa muốn ly hôn ở thời điểm này vì con chung của anh chị còn bé, cháu sẽ bị thiệt thòi vì sống thiếu tình cảm của bố mẹ. Như vậy, anh T chưa muốn ly hôn không phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng mà vì anh muốn có thời gian cho con lớn để lựa chọn ở với bố hay với mẹ nên anh cũng không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ có quan điểm vợ chồng phải chấp nhận nhau. Chị H không chấp nhận lối sống, quan điểm, tính cách của anh T, không muốn tiếp tục chung sống. Do vậy, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cũng như những tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tài liệu xác minh, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa chị H và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[3] Chị H và anh T có một con chung Ngô T H, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2021. Khi ly hôn chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên xét con chung dưới 36 tháng tuổi, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi con vẫn đảm bảo việc chăm sóc con; chị H có công việc, có thu nhập và chỗ ở ổn định nên giao con Ngô T H cho chị H nuôi là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H yêu cầu và anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng số tiền 4.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc chia tài sản:

[4] Chị H và anh T thống nhất trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[5] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Ngô Minh T.

2. Về việc nuôi con:

Chị H và anh T có một con chung là Ngô Minh H, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2021. Giao con chung Ngô Minh H cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Ngô Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng với số tiền là 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Ngô Minh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006584 ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ

thẩm. Anh Ngô Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Ngô Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường Lạch Tray, quận N, thành phố H (ĐKKH ngày 15/4/2021);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh T